

Bản án số: 400/2022/HC-PT

Ngày: 30 - 5 - 2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định về việc thu hồi đất, quyết định về bồi thường, hỗ trợ; quyết định giải quyết khiếu nại khi Nhà nước thu hồi đất, buộc ban hành quyết định bồi thường quyền sử dụng đất bị thu hồi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 và ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 398/2021/TLPT-HC ngày 14 tháng 7 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định về việc thu hồi đất, quyết định về bồi thường, hỗ trợ; quyết định giải quyết khiếu nại khi Nhà nước thu hồi đất, buộc ban hành quyết định bồi thường quyền sử dụng đất bị thu hồi*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2865/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 337/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2022; Quyết định đưa vụ án

ra xét xử phúc thẩm số: 607/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phan Đăng H1, sinh năm 1985 (Theo Giấy ủy quyền ngày 26/4/2022) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P1, xã P2, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên hệ: Số 175, đường T1, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P), tỉnh Kiên Giang;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P), tỉnh Kiên Giang;

Địa chỉ: Số 4, đường 30/4, khu phố 2, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Huỳnh Quang H2 - Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Chiến T2- Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (Theo Văn bản ủy quyền ngày 11/10/2019 và Văn bản ủy quyền ngày 31/10/2019) (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn V(Phạm Quốc V) - Nguyên Cán bộ Hạt Kiểm Lâm P (có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Phạm Phương T3, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C1, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: Ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Nguyễn Thành H trình bày:

Ông có diện tích đất 6.000m² tọa lạc tại ấp G, xã Cửa Cạn cũ, nay thuộc ấp G, xã G, huyện P (nay là thành phố P) do cha vợ là ông Nguyễn Văn K cho để cất nhà, trồng trọt và chăn nuôi.

Vào năm 2010 Ủy ban nhân dân huyện P (nay là Ủy ban nhân dân thành phố P) (sau đây viết tắt là UBND thành phố P) có chủ trương quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương ngay trên phần đất của gia đình. Gia đình chấp thuận và đồng tình theo chủ trương của UBND. Vào ngày 26/11/2010 UBND huyện (thành phố) P ra Quyết định số 4195/QĐ-UBND với nội dung là thu hồi diện tích 1.759,2m² của ông và cho rằng là đất rừng đặc dụng. Sau đó, vào ngày 21/12/2010 UBND huyện (thành phố) P tiếp tục ra quyết định số 5150/QĐ-UBND với nội dung bồi thường cho ông số tiền 67.129.100 đồng. Ông H không đồng ý với hai Quyết định trên vì quyết định thu hồi đất không đủ diện tích đất của ông chênh lệch mất hết diện tích 4.240m², đồng thời việc bồi thường cũng không thỏa đáng. Sau đó, ông có làm đơn khiếu nại và cũng được UBND huyện (thành phố) P phân công Thanh tra huyện xuống đo đạc lại phần đất nhưng không đưa ra giải quyết.

Đến ngày 01/12/2016 UBND huyện (thành phố) P mời đối thoại nhưng UBND không thừa nhận việc khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.000m² là của ông vì cho rằng ông lấn chiếm rừng. Trong khi đó đất là do cha vợ ông khai phá vào năm 1993, sau đó được ông Lê Long T4 là Cán bộ quản lý tại thời điểm đó ký xác nhận cho ông. Do đó, ông không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Ngày 16/10/2017 UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 9687/QĐ-UBND với nội dung Nhà nước lập phương án hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất đối với diện tích 1.759,2m² của ông là chưa phù hợp; Đồng thời điều chỉnh hỗ trợ cho ông 40% giá đất rừng sản xuất trên diện tích và cho rằng vấn đề khiếu nại của ông là sai. Nên UBND huyện (thành phố) P điều chỉnh quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện (thành phố) P và không thừa nhận nội dung khiếu nại của ông.

Sau đó, UBND huyện (thành phố) P vẫn tiến hành thu hồi phần đất để giao mặt bằng cho đơn vị thi công. Ông không đồng ý vì diện tích đất của ông tiếp tục mất thêm diện tích 1.199,2m². Trong khi đó, phần diện tích ban đầu của ông là 6.000m² sau khi UBND huyện (thành phố) P hai lần ban hành quyết định thu hồi và bồi thường cho ông thì phần diện tích bị mất là 5.540m² (chỉ có 560m² là được hỗ trợ, bồi hoàn), số diện tích 5.540m² thì không được đề cập đến. Vì vậy, ông H khởi kiện đề nghị hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện (thành phố) P về việc thu hồi diện tích 1.759,2m² đất rừng đặc dụng.

- Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện (thành phố) P về việc bồi thường số tiền là 67.129.110 đồng.

- Quyết định số 9687/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện (thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại.

Buộc UBND huyện (thành phố) P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông với diện tích 4.224,9m² đất theo Quyết định số 6943/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thành H để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang với diện tích 4.224,9m².

Theo văn bản ngày 02/10/2019 và văn bản ngày 04/8/2020 UBND thành phố P trình bày ý kiến:

Đối với diện tích đất 1.759,2m² ông H đang khởi kiện thì vào năm 2003 ông Nguyễn Văn K (cha vợ ông Nguyễn Thành H) vào phát dọn cây rừng thuộc đất do Vườn quốc gia P quản lý và sau đó cho lại ông H một phần diện tích đất để cất nhà ở. Đến năm 2007 ông H bị Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia P lập biên bản kiểm tra về hành vi lấn chiếm trái phép đất lâm nghiệp với diện tích 560m². Sau khi bị lập biên bản ông H vẫn tiếp tục phát dọn thêm phần đất có diện tích 1.199,2m² (nằm trong Quyết định số 4195/QĐ-UBND về việc thu hồi đất diện tích 1.759,2m²).

Ngày 21/12/2010, UBND huyện (thành phố) P ra Quyết định số 5150/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Nguyễn Thành H số tiền 67.129.100 đồng (trong đó hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất đối với diện tích 1.759,2m²; cây trồng và vật kiến trúc), đồng thời ông H đã được bố trí một nền tái định cư.

Đối với diện tích đất 4.224,9m² ông H đang khiếu nại thì sau khi bị Kiểm lâm lập biên bản trong phần diện tích là 560m² vào năm 2007, ông H tiếp tục phát dọn thêm trong đó có phần diện tích 4.224,9m² thuộc đất do Vườn Quốc gia quản lý.

Ngày 12/10/2016 UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 6943/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 4.224,9m² và không bồi thường phần diện tích đất này. Sau đó ông H làm đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất bị thu hồi.

Ngày 16/10/2017 UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 9687/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành H với nội dung: Kháng định Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện (thành phố) P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng khu tái định cư G là đúng theo quy định của pháp luật.

Việc UBND thành phố P không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.224,9m² là phù hợp với khoản 4 Điều 82; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 vì ông H sử dụng đất sau năm 2007.

Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thành H để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện (thành phố) P, tỉnh Kiên Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P, hủy Quyết định số 9687/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành H.

Hủy một phần Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã G, huyện (thành phố) P, tỉnh Kiên Giang đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất đai.

Hủy Quyết định số 9687/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành H.

3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với việc thu hồi đất cho ông Nguyễn Thành H theo các Quyết định thu hồi đất số 4195/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P thu hồi 1.759,2m²; Quyết định số 6943/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P thu hồi diện tích 4.224,9m² đất đối với ông Nguyễn Thành H để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện (thành phố) P, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/4/2021 ông Huỳnh Quang H2 - Chủ tịch UBND thành phố P kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm với nội dung hủy bản án sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T2 đại diện cho ông Huỳnh Quang H2 - Chủ tịch UBND thành phố P vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với

nội dung sửa bản án sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Ông T2 trình bày: Trước đây ông H trình bày việc cho đất không có giấy tờ mà nay trình bày là có giấy tờ cho là mâu thuẫn với án sơ thẩm đã nêu trước đây. Giấy xác nhận nguồn gốc đất mới nộp ngày 25/6/2022 có các nhân chứng. Theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì cơ quan xác nhận nguồn gốc đất là UBND cấp xã.

Về nguồn gốc đất thì đất của ông K khai phá năm 1994, có xác nhận của ông T4 nhưng không nêu rõ diện tích bao nhiêu. Các biên bản của những năm trước để lại thì ông K có vào sử dụng, cất nhà. Năm 1997, 1998 di dời tất cả mọi người ra khỏi rừng. Đất thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Đảo P. Năm 1998 là thuộc Ban quản lý rừng Phòng hộ P. Năm 2001 có Quyết định số 91/CP tách ra Vườn quốc gia và Ban quản lý rừng Phòng hộ. Năm 2003 ông K trở lại sử dụng và bị lập biên bản ngày 04/4/2003. Trạm Kiểm lâm xác định ông K sử dụng 1.800m², phát dọn cây, chưa có nhà. Ông K tiếp tục sử dụng phát dọn cây từ khi lập biên bản đến năm 2007 thì không có mặt tại đây theo kết quả xác minh của Công an xã ngày 07/7/2007. Ông H là con của ông K chuyển hộ khẩu từ ngày 10/11/2006. Ông H cưới con của ông K mới sử dụng diện tích là 560m², xung quanh đất là vườn quốc gia. Ông H cam kết di dời nhưng không thực hiện. Năm 2009 có chủ trương chuyển đổi đất rừng quy hoạch khu tái định cư G. Năm 2009 tại biên bản kiểm tra đo đạc để thu hồi thì diện tích của ông H là 1.759,2m². Năm 2010 phê duyệt phương án bồi thường thì ông H không đủ điều kiện bồi thường nên được xem xét hỗ trợ 40%, vật kiến trúc 80% và cây trồng 100%, cấp 01 nền tái định cư. Ông H không chấp hành tiếp tục khiếu nại vì cho rằng diện tích của ông nhiều hơn. Năm 2016, thu hồi diện tích của ông H, cưỡng chế thực hiện dự án. Ngày 03/10/2016 cơ quan thanh tra kiểm tra có đo đạc lại thì diện tích thu hồi bổ sung của ông H là 4.224,9m². Các hộ dân xung quanh ông H không có tranh chấp vì đất rừng lấn chiếm. Quyết định 6943/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 thu hồi của ông H thêm diện tích 4.224,9m². Ông H sử dụng sau năm 2009 nên căn cứ Điều 75, Điều 82 và khoản 2 Điều 77, đất của ông H sử dụng sau ngày 01/7/2004, ông H không kê khai và theo quy định hiện nay là đất phát triển cơ sở hạ tầng nên không bồi thường. Án sơ thẩm cho rằng đất có nguồn gốc từ ông K cho ông H từ năm 2003 nhưng UBND không thừa nhận là đất của ông K và ông H. Kiểm Lâm đo đạc năm 2003, dân tiếp tục phát hoang. Đơn vị tư vấn đo đạc kiểm đếm, UBND không thực hiện. Phần diện tích của ông H là chiều ngang vẫn như cũ nhưng chiều dài dài thêm từ 35m thành 118m, trừ hành lang lộ giới đo đạc trước đây là 15m. Sau này thì đo theo diện tích thực tế sử dụng. Thu hồi của các hộ dân giải quyết hỗ trợ giống ông H. Phần đất của ông H không có liên quan gì đến phần đất của ông K. Phần đất của ông L kế bên đất của ông K, nguồn gốc khác nhau do có sự khai phá thời gian khác nhau. Diện tích 4.224,9m² có nguồn gốc khác với diện tích 1.759,2m². Năm 2016 đo đạc phần đất ông H chỉ thêm diện tích 4.224,9m², trên đất không có gì.

Đất ông H sử dụng lấn chiếm năm 2007 bị lập biên bản, không kê khai đăng ký, không có giấy tờ, không đủ điều kiện bồi thường về đất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông H.

Đại diện người khởi kiện trình bày: Người bị kiện cho rằng ông H sử dụng đất lấn chiếm năm 2007, có hai quyết định thu hồi đất, tổng diện tích đất không đủ điều kiện cấp giấy nên không bồi thường là chưa đủ cơ sở pháp lý. Sổ hộ khẩu của ông H được cấp ngày 17/11/2006. Ông H đã sử dụng và ở trên phần đất này lâu rồi, có các nhân chứng xác nhận ở từ năm 2003. Việc dựa vào biên bản không đúng cơ sở pháp lý. Đại diện người bị kiện xác định cha của ông H là ông K sử dụng đất từ năm 1993 có ông T4 xác định. Ông T4 hiện nay là Chủ tịch UBND xã G. Ông H là con rể của ông K, được ông K tặng cho đất, có giấy xác nhận nguồn gốc đất, việc tặng cho quyền sử dụng đất và có những người làm chứng chứng minh ông H sử dụng đất từ năm 2003. Quyết định thu hồi đất không thông báo cho người khởi kiện, thu hồi đất làm khu tái định cư G. Theo Văn bản của Vườn quốc gia và văn bản của Thủ tướng Chính phủ thì thửa đất của ông K, ông H sử dụng được định hướng quy hoạch đưa ra khỏi ranh giới Vườn quốc gia P. Năm 2009 UBND huyện (thành phố) P mới thu hồi của ông H 1.759,2m² và năm 2016 UBND huyện (thành phố) P thu hồi của ông H 4.224,9m². UBND quy hoạch thì tiến hành cắm ranh cắm mốc thì ông H không thể tiến hành lấn chiếm. Ông H sử dụng đất ổn định, lâu dài. UBND thu hồi đất không bồi thường là không đúng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, y án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Kháng cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Diện tích đất 5.984,1m² của ông H (gồm diện tích 4.224,9m² và diện tích 1.759,2m²) tọa lạc tại ấp G, xã G, huyện (thành phố) P của ông H, theo UBND huyện (thành phố) P xác định phần đất này trước năm 2003 là đất do Vườn Quốc gia P quản lý, năm 2003 ông Nguyễn Văn K vào phát dọn bao chiếm một phần diện tích (không xác định được diện tích) trồng cây ăn trái và cũng trong năm 2003 ông H cất nhà ở. Đến ngày 09/6/2007, ông H bị Kiểm lâm huyện lập biên bản kiểm tra về việc lấn chiếm đất lâm nghiệp nhưng không có xử phạt và ông H tiếp tục sử dụng đất cho đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi để thực hiện dự án quy hoạch đầu tư xây dựng khu tái định cư xã G.

Tuy nhiên, tại Báo cáo số 66/BC-TTr ngày 24/11/2016 của Thanh tra huyện (thành phố) P báo cáo kết quả xác minh các khiếu nại tại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng khu tái định cư G thì diện tích đất 2.597,60m² do ông K phát dọn bao chiếm vào năm 1994, năm 1997 ông K bị Nhà nước di dời ra khỏi khu vực đất đang sử dụng. Năm 2003, ông K quay lại phần đất trên để phát dọn thì bị kiểm lâm lập biên bản, sau khi bị lập biên bản ông K vẫn tiếp tục sử dụng đến năm 2007 thì bỏ địa phương đi đến năm 2009 mới quay lại cất nhà ở và canh tác đến khi có quy hoạch dự án.

Theo văn bản số 45/XN/VQG-KHMT ngày 07/10/2016 của Vườn quốc gia P xác nhận diện tích đất 2.597,60m² của ông K và 1.759,2m² ông H sử dụng nằm trong ranh giới Vườn Quốc gia, tại tiểu khu 75 phân khu phục hồi sinh thái Vườn Quốc gia P. Theo Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 và quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh cục bộ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P đến năm 2030 thì thửa đất của ông K và diện tích ông H sử dụng được định hướng quy hoạch đưa ra khỏi ranh giới Vườn quốc gia P. Đồng thời qua đối chiếu hồ sơ xử lý vi phạm tại Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia P từ năm 2002 đến nay thì 02 phần đất nói trên không có trong hồ sơ xử lý.

Có đủ cơ sở xác định phần diện tích 5.984,1m² của ông H đã được ông K khai phá sử dụng từ năm 1994, quá trình sử dụng cho đến khi bị thu hồi không tranh chấp hay bị cơ quan có thẩm quyền xử lý về hành vi vi phạm về đất đai và đã được điều chỉnh định hướng đưa ra khỏi ranh giới Vườn Quốc gia để quy hoạch khu tái định cư nên đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi. Nhưng tại Quyết định bồi thường hỗ trợ 5150/QĐ-UBND thì UBND huyện (thành phố) P chỉ hỗ trợ 40% đất rừng sản xuất đối với diện tích đất thu hồi 1.759,2m². Đồng thời cũng không ban hành phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất 4.224,9m² thu hồi theo Quyết định 4195/QĐ-UBND là chưa đúng quy định tại Điều 77 Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 9687/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện (thành phố) P đã không chấp nhận khiếu nại của ông H yêu cầu bồi thường, hỗ trợ 5.984,1m² và đã điều chỉnh lại phương án hỗ trợ 40% giá trị đất rừng sản xuất diện tích 1.759,2m² xuống còn 560m²; thu hồi lại số tiền đã lập phương án hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất diện tích 1.199,2m² đối với ông H là không phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, hủy một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 5150/QĐ-UBND và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 9687/QĐ-UBND; Buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định thu hồi đất số

4195/QĐ-UBND đối với phần đất diện tích 1.759,2m² và tại Quyết định thu hồi đất số 6943/QĐ-UBND đối với phần đất 4.224,9m² là có căn cứ.

Kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố P không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 18/5/2018 ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện (thành phố) P về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thành H để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện (thành phố) P, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện (thành phố) P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã G, huyện (thành phố) P, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 9687/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện (thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành H, buộc ra quyết định bồi thường về việc thu hồi đất.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố P:

[2.1] *Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:* được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Ngày 26/11/2010, UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 4195/QĐ-UBND thu hồi 1.759,2m² loại đất đặc dụng đối với ông Nguyễn Thành H để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21/12/2010, UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 5150/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông H với tổng số tiền 67.129.100 đồng (trong đó hỗ trợ 40% đất rừng 41.314.400 đồng, hoa màu 15.477.000 đồng, vật kiến trúc 10.337.700 đồng). Ông H đã nhận tiền và bàn giao đất cho Ban giải phóng mặt bằng, nhưng khiếu nại yêu cầu xem xét bồi thường diện tích đất

1.759,2m², vì nguồn gốc đất là của cha vợ khai phá từ năm 1994, sau đó cho vợ chồng ông sử dụng.

Ngày 12/10/2016 UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 6938/QĐ-UBND điều chỉnh một phần Quyết định 4195/QĐ-UBND, với lý do vị trí, diện tích thu hồi theo Quyết định 4195/QĐ-UBND là chưa đúng nên điều chỉnh đúng vị trí, tọa độ hiện trạng sử dụng đất đúng với thực tế của ông H đang sử dụng, từ đó diện tích đo đạc tăng.

Ngày 12/10/2016 UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 6943/QĐ-UBND thu hồi 4.224,9m² đất của ông H thuộc thửa 6a theo trích đo địa chính thửa đất ngày 12/10/2016 một phần thửa đất tại ấp G, xã G để thực hiện dự án tái định cư xã G và không thực hiện bồi thường phần đất này.

Do không được bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 4.224,9m² nên ông H làm đơn khiếu nại yêu cầu xem xét bồi thường diện tích 5.984,1m².

Ngày 16/10/2017, Chủ tịch UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 9687/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông H đối với Quyết định số 5150/QĐ-UBND về yêu cầu xem xét bồi thường diện tích 5.984,1m², điều chỉnh lại Quyết định bồi thường số 5150/QĐ-UBND như sau: điều chỉnh lại phương án hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất diện tích đất 1.759,2m² xuống còn diện tích 560m²; thu hồi lại số tiền đã lập phương án hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất diện tích 1.199,2m² đối với ông H. Sau đó, UBND huyện (thành phố) P đã xét cấp cho ông H 01 nền tái định cư diện tích 212m².

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thành H rút yêu cầu khởi kiện hủy quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 của UBND huyện (thành phố) P về việc thu hồi đất đối với ông Nguyễn Thành H để xây dựng khu tái định cư xã G tại ấp G, xã G, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H là không đúng vì Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định giải quyết khiếu nại và Quyết định bồi thường nên phải được xem xét đánh giá.

[2.2.2] Ngày 12/10/2016 UBND huyện (thành phố) P ban hành Quyết định số 6943/QĐ-UBND thu hồi của ông H 4.224,9m² đất tại ấp G, xã G, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang để xây dựng khu tái định cư xã G, huyện P. Ông H cho rằng có trồng mít, xoài, tre trên diện tích 4.224,9m².

Biên bản ngày 20/11/2009 kiểm tra phục vụ việc thu hồi đất của ông H diện tích 1.759,2m² thì có cây trồng như mít, chuối, xoài..., vật kiến trúc.

Biên bản kiểm tra ngày 03/10/2016 của Thanh tra huyện thì diện tích tăng lên 5.984,1m². Hiện trạng trên đất có cây trồng như mít, chuối, xoài..., vật kiến trúc. Ông H thống nhất theo số liệu phương án đã lập.

So sánh hai biên bản kiểm tra nêu trên nhận thấy trên thực tế, ông H chỉ trồng như mít, chuối, xoài..., vật kiến trúc trên diện tích 1.759,2m²; không có căn cứ để xác định ông H sử dụng diện tích 4.224,9m². Hơn nữa, công trình hiện nay không còn, ông H cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh sử dụng diện tích này. Do đó, chỉ có căn cứ ông H sử dụng diện tích 1.759,2m² theo Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 26/11/2010 trên đất có cây trái, công trình, vật kiến trúc. Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2010 thu hồi của ông H diện tích 1.759,2m². Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 bồi thường đủ cho ông H diện tích 1.759,2m² nhưng Quyết định số 9687/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện (thành phố) P giải quyết khiếu nại của ông H điều chỉnh diện tích chỉ bồi thường cho ông H 560m² là không đúng. Phần đất của ông H bị thu hồi 1.759,2m² sử dụng từ năm 2003. Các nhân chứng sống tại đó là bà T3, ông N1 có mặt tại phiên tòa phúc thẩm và ông Phạm Văn V(Phạm Quốc V) là cán bộ kiểm lâm P cũng xác định khi lập biên bản đối với ông K thì đã thấy ông H có sử dụng đất.

Theo văn bản số 45/XN/VQG-KHMT ngày 07/10/2016 của Vườn quốc gia P xác nhận diện tích đất 1.759,2m² ông H sử dụng nằm trong ranh giới Vườn Quốc gia, tại tiểu khu 75 phân khu phục hồi sinh thái Vườn Quốc gia P. Theo Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 và Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh cục bộ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P đến năm 2030 và theo Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND huyện (thành phố) P về việc phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn Quốc gia P đến năm 2020 thì diện tích đất của ông H sử dụng được định hướng quy hoạch đưa ra khỏi ranh giới Vườn quốc gia P. Đồng thời qua đối chiếu hồ sơ xử lý vi phạm tại Hạt kiểm lâm Vườn Quốc gia P thì vị trí đất không có trong hồ sơ xử lý.

Ông Nguyễn Thành H sử dụng đất từ năm 2003 không có giấy tờ về đất, đã được điều chỉnh định hướng đưa ra khỏi ranh giới Vườn Quốc gia để quy hoạch khu tái định cư, không có tranh chấp nên đủ điều kiện để bồi thường, hỗ trợ về đất.

Tuy nhiên, UBND huyện (thành phố) P không bồi thường về đất tại thời điểm thu hồi đất ngày 26/11/2010 cho ông H là không đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ về quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Do đó, Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND huyện (thành phố) P chỉ hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất đối với diện tích đất 1.759,2m² bị thu hồi, Quyết định số

9687/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện (thành phố) P giải quyết khiếu nại của ông H với nội dung điều chỉnh giảm diện tích hỗ trợ và không thừa nhận khiếu nại của ông H là không phù hợp với quy định của pháp luật nên cần thiết phải hủy một phần Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 về phần bồi thường, hỗ trợ đất và hủy Quyết định số 9687/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện (thành phố) P giải quyết khiếu nại của ông H liên quan đến diện tích đất 1.759,2m². Buộc UBND thành phố P bồi thường đủ diện tích cho ông H là 1.759,2m², diện tích còn thiếu là 1.119,2m².

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[3] *Về án phí hành chính phúc thẩm*: Do sửa bản án sơ thẩm nên Chủ tịch UBND thành phố P không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; Điều 77; Điều 83; 84 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ về Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P; hủy Quyết định số 9687/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành H.

Hủy một phần Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xã G, huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất đai.

Hủy một phần Quyết định số 9687/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Thành H liên quan đến diện tích bồi thường 1.759,2m².

2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với việc thu hồi đất cho ông Nguyễn Thành H về việc thu hồi diện tích đất 1.759,2m².

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang mỗi người phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thành H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004070 ngày 05/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn tạm nộp án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (Cù Huy Bình nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000903 ngày 23/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu – (Ấn - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

